TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2023
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ.
Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/7/2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị D – sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 521, tổ S, Khu phố PT, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 521, tổ S, Khu phố PT, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 17/6/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày:

Vào năm 2006, chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Văn L, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và sau đó đến năm 2017 vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 14 năm, khoảng 2 gần đây thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là

do anh L không tu chỉnh làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên đi vắng nhà không rõ lý do nên vợ chồng hay cự cải, thậm chí có lần còn đánh nhau. Thêm vào đó, anh L còn cờ bạc nên vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh L bỏ lên Bình Dương làm thuê một thời gian, sau đó anh L về nhưng vợ chồng vẫn không hòa giải được nên vợ chồng tự ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Chị nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là: Nguyễn Đặng Minh A – sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Đặng An Th – sinh ngày 22/01/2019. Cả hai con hiện nay đang sống cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Đặng Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L; Về con chung, chị D yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Đặng Minh A và Nguyễn Đặng An Th, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh L nhưng ông không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn L; Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Đặng Minh A – sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Đặng An Th – sinh ngày 22/01/2019 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Văn L với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh L không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 quyển số I/2007 ngày 19/3/2007, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn L vì lý do anh L không tu chỉnh làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên đi vắng nhà không rõ lý do nên vợ chồng hay cự cải. Thêm vào đó, anh L còn cờ bạc nên vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh L bỏ lên Bình Dương làm thuê một thời gian, sau đó anh L về nhưng vợ chồng vẫn không hòa giải được kéo dài đến nay. Đối với anh Nguyễn Văn L, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh L đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị D khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh L và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh L. HĐXX thấy rằng, chị D và anh L đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trãi qua nhưng vẫn không hàn gắn được

tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Minh A – sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Đặng An Th – sinh ngày 22/01/2019. Hai cháu hiện nay đang sống cùng với chị D nên chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu và cháu Minh A cũng có nguyện vọng sống với chị D. Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp theo nguyện vọng của cháu Minh A. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị D xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Nguyễn Văn L không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh L có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị D phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Đặng Minh A – sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Đặng An Th – sinh ngày 22/01/2019 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008969, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Đặng Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/02/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND Thị trấn Gò Quao;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập